

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 39/2022/HS-ST  
Ngày 24/11/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thế Chiến, bà ông Nguyễn Minh Nguyệt.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/20202/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn V**, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1974 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT: Xóm 3, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Đào Thị N (cả hai đã chết); bị cáo có vợ là Bùi Thị Châu T1, sinh năm 1985 và không có con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 09/4/1994 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 12/4/1995 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; ngày 31/5/1996 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 18 tháng tù về tội “Mua chuộc hoặc ép người khác cung cấp tài liệu sai sự thật”; ngày 10/4/2000 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Ngày 11/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 30/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 25/9/2021 Nguyễn Văn V chấp hành xong hình phạt về sinh sống tại tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2022 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn 10/3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chi Hồ Thị Phương T2, sinh năm 1982. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Văn Hồng Thảo T3, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Trú tại: Số 124 đường Mạc Thị B1, phường T4, Tp. B2, Đắk Lắk

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 29/8/2022, Nguyễn Văn V tạm trú tại tại tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk điều khiển xe máy Vision mang biển kiểm soát 47L1-319.24 đến chợ B, huyện K. Lúc này, V thấy chiếc xe mô tô loại Wave RSX nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 47L1-197.19 của ông Nguyễn Văn Đ đang dựng bên đường Hoàng Văn Thụ ở chợ B nhưng không có người trông coi. Thấy vậy, V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong cốp xe máy của ông Đ nên V dùng tay mở cốp xe máy của ông Đ để lục tìm tài sản bên trong, khi lật chiếc áo mưa lên V thấy có 02 xấp tiền, loại tiền polime, mệnh giá 500.000 đồng. Tổng số tiền trong cốp xe của ông Đ là 100.000.000 đồng. Sau đó, V lấy trộm 02 xấp tiền của ông Đ bỏ vào túi áo khoác rồi điều khiển xe máy đi về nhà tại tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về nhà, V lấy ra 12.000.000 đồng bỏ trong ví, số tiền còn lại V bỏ lại trong cốp xe máy. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, V điều khiển xe máy chở chị Hồ Thị Phương T2 (*bạn gái V*) đến cửa hàng Điện Máy Xanh tại thị trấn B để trả 3.425.000 đồng tiền vay trả góp của ngân hàng. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, V trả cho chị Văn Hồng Thảo T3 số tiền 4.000.000 đồng rồi cùng chị T2 đến Công an thị trấn B nộp 2.000.000 đồng để bồi thường do có hành vi đánh người trước đây. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, V đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 40/CT-VKS-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

\* Về xử lý vật chứng: Cần chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Văn Đ số tiền 96.000.000 đồng là chủ sở hữu hợp pháp; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Phương T2 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 47L1 – 319.24 là chủ sở hữu hợp pháp.

Cần tịch thu, tiêu hủy 01 áo sơ mi màu trắng xám ngắn tay, 01 quần Jean màu xanh xám, 01 mũ bảo hiểm loại nón sơn màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 khẩu trang y tế màu trắng, 01 áo khoác màu đen có mũ trùm đầu, 01 đôi dép nam màu đen là những đồ vật bị cáo Nguyễn Văn V sử dụng khi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

\* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Đ đã nhận lại đủ số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 và đề nghị áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội; bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo đã biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, sáng ngày 29/8/2022, tại khu vực chợ B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Văn V đã lén lút thực hiện hành vi dùng tay mở cốp xe máy của ông Nguyễn Văn Đ, lấy số tiền 100.000.000 đồng của ông Đ. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bản thân bị cáo đã “*Tái phạm nguy hiểm*” chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 100.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....  
c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....  
g) *Tái phạm nguy hiểm*:

.....”

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người hoàn toàn có đầy đủ khả năng để nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp. Bản thân bị cáo Nguyễn Văn V là người có nhân thân rất xấu, có nhiều tiền án. Từ năm 1994 đến năm 2015 bị cáo đã bị Tòa án xét xử nhiều lần về các tội khác nhau, lần xét xử gần nhất vào ngày 30/11/2015, Tòa án nhân dân huyện K đã xử phạt bị cáo 08 năm tù giam về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 của bộ luật hình sự với tình tiết định khung tăng nặng là “*Tái phạm nguy hiểm*”. Ngày 25/9/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt, đến ngày 29/8/2022 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “*Tái phạm nguy hiểm*”. Ngoài ra, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 100.000.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt*

*tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”. Do đó, với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nêu trên, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khắc phục hậu quả tự nguyện giao nộp lại số tiền 88.000.000 đồng cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt.

[4]. Về xử lý vật chứng:

[4.1]. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đã trả lại chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 47L1-319.24 cho chị Hồ Thị Phương T2; trả lại số tiền 96.000.000 đồng cho bị hại ông Nguyễn Văn Đ là các chủ sở hữu hợp pháp.

[4.2]. Cần tịch thu, tiêu hủy 01 áo sơ mi màu trắng xám ngắn tay, 01 quần Jean màu xanh xám, 01 mũ bảo hiểm loại nón sơn màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 khẩu trang y tế màu trắng, 01 áo khoác màu đen có mũ trùm đầu, 01 đôi dép nam màu đen là những đồ vật bị cáo Nguyễn Văn V sử dụng khi phạm tội không còn giá trị sử dụng. (vật chứng có đặt điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị hại ông Nguyễn Văn Đ đã nhận lại đủ số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[1.1]. Căn cứ vào điểm c, g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30/8/2022.

[2]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2.1]. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đã trả lại chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 47L1-319.24 cho chị Hồ Thị Phương T2; trả lại số tiền 96.000.000 đồng cho bị hại ông Nguyễn Văn Đ là các chủ sở hữu hợp pháp.

[2.2]. Tịch thu, tiêu hủy 01 áo sơ mi màu trắng xám ngắn tay, 01 quần Jean màu xanh xám, 01 mũ bảo hiểm loại nón sơn màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01

khẩu trang y tế màu trắng, 01 áo khoác màu đen có mũ trùm đầu, 01 đôi dép nam màu đen là những đồ vật của bị cáo Nguyễn Văn V sử dụng khi phạm tội không còn giá trị sử dụng. (vật chứng có đặt điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị hại ông Nguyễn Văn Đ đã nhận lại đủ số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
PHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Anh Tuấn**